

VẬN DỤNG QUY TRÌNH BÀI HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI Ở VIỆT NAM (VNEN) VÀO VIỆC THIẾT KẾ QUY TRÌNH BÀI HỌC Ở ĐẠI HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CHO SINH VIÊN

TS. PHẠM MINH ĐIỀU*

Abstract: This paper mentions lessons process at university on the basis of VNEN (Vietnam Escuela Nueva Project) on orientation of developing learner capacity. The process includes steps: Introduction, study the theory, practice; application and assessment. The above process suits traditional teaching and there are new and positive contents, creating a new way to develop the capacity of learner.

Keywords: process, reform, capacity, development.

“Mô hình trường học mới tại Việt Nam” (VNEN) là dự án thí điểm của Bộ GD-ĐT áp dụng ở tiểu học và sau đó là trung học cơ sở (THCS) từ 2010 đến nay. Đây là mô hình được khởi xướng từ Côlômbia và hiện nay, sau gần ba mươi năm, đã phát triển ở nhiều quốc gia trên thế giới. Với những ưu điểm vượt trội (từ tổ chức lớp học, biên soạn tài liệu đến thực hiện dạy học (DH) theo quy trình mới), *quy trình bài học* (QTBH) theo mô hình VNEN được coi là phù hợp với những nước đang phát triển như Việt Nam. Và trên thực tế, mô hình này đang được áp dụng với mọi bậc học, trong đó có bậc đại học (ĐH).

Theo Nghị quyết số 29-NQ/TW về “đổi mới căn bản, toàn diện” giáo dục Việt Nam, Bộ GD-ĐT đang thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học (PPDH) theo định hướng “phát triển năng lực người học”. Việc thiết kế QTBH theo định hướng phát triển năng lực sinh viên (SV) là một công việc có tính thời sự, bởi lẽ QTBH ở ĐH nước ta đang có những vấn đề như: nặng về lí thuyết, nhẹ thực hành; thiếu gắn kết với thực tiễn cuộc sống,... Vì vậy, việc thiết kế QTBH sao cho phù hợp với quan điểm “phát triển năng lực người học”, góp phần khắc phục những hạn chế trong DH hiện nay là một nhiệm vụ quan trọng và cần thiết.

1. Khái niệm “QTBH” và nội dung QTBH trong VNEN

QTBH (*lesson processes*) là khái niệm được sử dụng quen thuộc trong DH, thường được hiểu là trình tự tiến hành các bước, các thao tác trong một bài học (BH) nhằm giúp học sinh (HS) hoàn thành các mục tiêu đã xác định [1; tr 279]. Trong Lí luận DH, QTBH

cũng được hiểu như “tiến trình tổ chức BH” hoặc “logic các khâu” trong quá trình tổ chức BH,.. [2; tr 119].

QTBH theo mô hình VNEN bậc tiểu học gồm 3 bước là: hoạt động cơ bản, hoạt động thực hành và hoạt động ứng dụng, còn ở THCS được phát triển thành 5 bước:

- *Hoạt động khởi động:* Với mục đích là tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới, đồng thời, huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân sẵn sàng cho nhiệm vụ lĩnh hội kiến thức và rèn luyện kĩ năng (KN) mới.

- *Hoạt động hình thành kiến thức:* giúp HS lĩnh hội được kiến thức, KN mới và đưa các kiến thức, KN mới vào hệ thống kiến thức, KN của bản thân. HS xây dựng kiến thức mới của bản thân trên cơ sở đối chiếu nội dung BH với kiến thức, kinh nghiệm sẵn có; kết nối/sắp xếp kiến thức cũ và mới dựa trên một trật tự mới,...

- *Hoạt động luyện tập:* Trong hoạt động này, HS củng cố, hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội được, rèn luyện các KN, hình thành kĩ xảo, thói quen,...

- *Hoạt động vận dụng:* giúp HS vận dụng các kiến thức, KN để giải quyết các tình huống/vấn đề mới, các vấn đề nảy sinh trong thực tế học tập hoặc trong cuộc sống của các em. Trong những điều kiện nhất định, có thể mở rộng phạm vi tới các vấn đề của cuộc sống xã hội liên quan trực tiếp đến cuộc sống của các em.

- *Hoạt động tìm tòi, mở rộng:* giúp HS không dừng lại với những gì đã học trong nhà trường, khuyến khích HS tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức, định hướng cho HS tiếp tục học tập lên bậc cao hơn và học tập suốt đời.

* Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Đề xuất QTBH ở ĐH

2.1. Đặc điểm của BH ở ĐH:

- Nội dung BH đa dạng, có dung lượng kiến thức lớn, chuyên sâu. Khác với bậc phổ thông, ở ĐH, các BH đều có nội dung phong phú, với dung lượng kiến thức lớn, chuyên sâu, và yêu cầu KN cao,...

Các “đơn vị học” ở ĐH thường không tính theo tiết, bài mà tính theo chương, mục, học phần. Có những học phần nặng tính lí thuyết, nhưng có những học phần chuyên về thực hành. Ngoài ra còn có những bài gắn liền với khảo sát, thí nghiệm,.... Điều này khiến một số người cho rằng, BH ở ĐH không nhất thiết phải theo một quy trình nào cả.

Mặc dù vậy, trên phương diện lí luận DH, cần phải chọn một đơn vị DH cơ bản, trên cơ sở đó mới có thể nghiên cứu những biến thể phức tạp của nó trên thực tế.

- Đối tượng là SV thuộc nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau. Đối tượng DH ở ĐH là SV, với những đặc điểm tâm, sinh lí rất khác so với bậc phổ thông. Trong khi đó, SV là những người đã lựa chọn cho mình những ngành nghề khác nhau, do đó, có những nhu cầu, sở thích rất khác nhau.

- Phương pháp, hình thức tổ chức DH rất phong phú, đa dạng. Vì nội dung DH chuyên sâu nên BH ở ĐH không chỉ gói gọn trong một vài tiết mà có thể kéo dài một vài tuần hoặc lâu hơn. Hình thức DH ở ĐH không chỉ gồm thuyết giảng và các hoạt động khép kín trong “bốn bức tường” mà còn được thiết kế tại nhiều địa điểm, thời gian khác nhau.

Các PPDH cũng rất đa dạng và có nhiều điểm đặc thù. Ví dụ phương pháp thuyết trình ở ĐH tuy không phải độc tôn nhưng là phương pháp hết sức quan trọng và cần thiết để giúp người học thấu tóm kiến thức, định hướng tự học, tự nghiên cứu; các hoạt động tự học, tự nghiên cứu của SV cũng không dừng lại như một cách làm bài tập thường gặp ở phổ thông, mà là những hoạt động đọc sách, nghiên cứu ở phạm vi rộng và mức độ chuyên sâu hơn nhiều so với bậc phổ thông.

2.2. Đề xuất QTBH. Nhận thức đầy đủ và đúng đắn về tất cả các đặc điểm trên của BH ở bậc ĐH không có nghĩa là sẽ dẫn đến phủ nhận việc đưa ra một quy trình cho BH ở ĐH. Trái lại, cần quan tâm nhiều hơn đến quy trình DH, đảm bảo tiến trình đó được diễn ra một cách khoa học hơn.

2.2.1. Về cấu trúc BH. Với nhiều môn học hiện nay, BH thường được xây dựng theo chương trình truyền thống. Nhiều chương trình ở bậc ĐH vẫn được xây dựng theo hướng tiếp cận nội dung, tức quan tâm đến kiến thức, KN nhiều hơn mà chưa chú ý nhiều đến mục tiêu hình thành và phát triển năng lực cho SV. Cần định hướng cho SV làm gì và làm như thế

nào? Muốn vậy, phải cấu trúc lại BH theo các chủ đề. Theo đó, một hoặc một nhóm BH sẽ tập trung hình thành và phát triển ở người học một hoặc một nhóm KN, năng lực. Nhóm BH đó gọi là chủ đề. Mỗi chủ đề có thể có một hoặc nhiều BH.

Với mỗi chủ đề/BH, trước hết cần xác định mục tiêu, phương pháp, phương tiện và các yêu cầu chuẩn bị đối với giảng viên (GV) và SV.

Riêng về mục tiêu BH, có thể xác định theo các cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng (các mức vận dụng thấp và vận dụng cao theo thang nhận thức của Bloom).

Một BH hay mỗi chủ đề như vậy thường sẽ bao gồm các yêu cầu: nhận thức lí thuyết, rèn luyện KN và vận dụng thực tế.

2.2.2. Về QTBH. QTBH có thể áp dụng cho một bài hay một chủ đề gồm 4 bước:

- Nhập đề. Trong bước này, GV có thể kiểm tra lại những công việc đã giao cho SV (nếu có); tìm hiểu, đánh giá lại vốn kiến thức, KN của SV, nhất là những kiến thức, KN liên quan đến BH mới; SV thì tự đánh giá và huy động vốn kiến thức, KN của mình để chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ mới. Muốn vậy, GV phải đưa ra một nhiệm vụ phù hợp, nhẹ nhàng, vui vẻ, định hướng động trong VNEN.

- Nghiên cứu lí thuyết: là những nội dung tri thức lí luận hoặc các tri thức có tính phương pháp, hướng dẫn KN. Theo truyền thống, bước này thường do GV giảng bài (thuyết trình), còn SV lắng nghe và ghi chép. Như đã phân tích, phương pháp này tuy có đặc thù ở bậc ĐH, nhưng cũng không nên lạm dụng, biến nó thành hình thức đọc chép thụ động. Cần sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp, kĩ thuật DH tích cực, giúp người học hứng thú và phát triển được các năng lực tự học, hợp tác, tính tự tin,.... ở SV.

- Thực hành: Đây là bước giúp SV củng cố kiến thức, rèn luyện các KN - một nội dung DH rất quan trọng trong thiết kế bài dạy của GV, vì giúp cho người học không chỉ dừng lại ở lí thuyết đơn thuần.

Cần thiết kế các bài tập/nhiệm vụ hướng tới việc rèn luyện KN cho SV một cách hệ thống. Các yêu cầu về KN, cũng như thời lượng dành cho bước này phải tương thích với các mức độ yêu cầu thể hiện rõ trong mục tiêu BH.

- Vận dụng: Bước này giúp người học đem kiến thức, KN đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn. Đây không phải chỉ là việc liên hệ thực tế một cách “chiếu lệ”, mà phải nghiên cứu, đưa ra các giải pháp, chứng minh tính khả thi,.... Điều này không đơn giản vì

(Xem tiếp trang 175)

tiếp, xử lý, giải quyết vấn đề...). Trong giảng dạy, GV luôn chủ động gợi ra vấn đề và kích thích SV suy nghĩ, tìm lời giải đáp, không vì thấy SV chưa trả lời được mà GV trả lời thay. Hãy khuyến khích SV chủ động tìm câu trả lời, chủ động trao đổi những suy nghĩ, ý kiến. Đó là cách để SV chủ động TH, vì có đọc, có suy nghĩ mới có thể nảy sinh cái cần trao đổi, làm rõ. Hoặc GV đưa ra các đề tài cần nghiên cứu sâu hơn có liên quan đến học phần SV đang học để SV đăng kí và thực hiện độc lập. GV sẽ trao đổi với SV nếu các em có nhu cầu trao đổi. Đây cũng là cách để phát triển NLTH của SV.

3.4. Về cách kiểm tra, đánh giá. Điều này có liên quan đến khả năng TH của SV. Nếu chỉ đánh giá SV ở mức độ “ghi nhớ”, cao hơn là “hiểu” thì sẽ không phát triển được NLTH của SV. Tăng cường sử dụng đề thi SV được sử dụng tài liệu hoặc kiểm tra, đánh giá bằng một bản báo cáo kết quả nghiên cứu về một đề tài liên quan đến chương trình học gắn liền với việc giảng dạy ở trường phổ thông hoặc đề thi yêu cầu xử lý các tình huống liên quan đến hoạt động DH... Những đề thi (có điều kiện) SV được sử dụng tài liệu là dạng đề thi đòi hỏi SV phải đọc hiểu, đọc rộng và có NL phân tích, khái quát, tổng hợp. Kiểu đề thi kiểm tra, đánh giá như vậy đòi hỏi SV phải TH, có cách học và có nhiều NL khác cần phát triển như NL giao tiếp, NL xử lý, giải quyết vấn đề...

Tóm lại, để việc TH đạt hiệu quả, mỗi SV cần xác định rõ cho mình động cơ học tập. Hiệu quả của TH (có hướng dẫn của GV và không có hướng dẫn) chính là nội lực người học. Bản thân chủ thể - người học phải tìm thấy niềm vui và sự say mê trong học tập, có trách nhiệm với công việc của mình và có ý chí, nghị lực vượt qua mọi rào cản (về thời gian, kiến thức, sở thích, thói quen...) thì mới có thể thành công. □

Tài liệu tham khảo

[1] Hoàng Phê (chủ biên) (1997). *Từ điển Tiếng Việt*. Trung tâm từ điển học. NXB Đà Nẵng.
 [2] Chu Thị Phương. Báo cáo tổng quan đề tài nghiên cứu khoa học “*Rèn kĩ năng tự học cho sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*” nghiệm thu năm học 2014-2015.
 [3] Bùi Hiền (chủ biên) (2013). *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển Bách khoa.
 [4] Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên) (1997). *Quá trình dạy - tự học*. NXB Giáo dục.
 [5] Robert J. Marano (2013). *Nghệ thuật và khoa học dạy học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
 [6] Robert J. Marano (2013). *Các phương pháp dạy học hiệu quả*. NXB Giáo dục Việt Nam.
 [7] Thomas Armstrong (2013). *Đa trí tuệ trong lớp học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
 [8] Giselle O.Martin- Kniep (2012). *Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Vận dụng quy trình bài học...

(Tiếp theo trang 169)

còn liên quan đến bản chất của các kiến thức và KN đã học. Không phải kiến thức, KN nào cũng thể vận dụng thực tiễn một cách thức thời. Tuy vậy, cũng có thể đặt vấn đề ngược lại để ta có thể lựa chọn, diễn giải những kiến thức, KN sao cho có ý nghĩa thiết thực hơn.

Để thực hiện tốt bước vận dụng, GV cần thiết kế một số tình huống có vấn đề, gắn liền với thực tiễn và yêu cầu SV huy động kiến thức, KN đã học để giải quyết.

- **Đánh giá:** Bước này giúp SV tự đánh giá, và GV cũng có thể kiểm tra, đánh giá kết quả học tập rèn luyện của cả lớp, cũng như của từng SV.

3. Thực hiện QTBH

Quy trình trên đây là sự vận dụng có bổ sung mô hình BH trong Dự án Mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN), do đó có những ưu điểm sau: - Tạo điều kiện để GV cân đối yêu cầu giữa lí thuyết và thực hành; quan tâm hơn đến việc vận dụng, đảm bảo sự gắn kết giữa BH với thực tiễn; - Tạo cơ chế để SV tự học, tự tìm kiếm kiến thức và rèn luyện KN; tạo cơ hội để vận dụng các PPDH tích cực; phát triển các năng lực tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề,... cho người học; - Thuận lợi cho kiểm soát, đánh giá kết quả học tập của SV; - Tuy vậy, quy trình nào cũng dễ bị cứng nhắc, khô khan, do vậy, khi thực hiện cần phải linh hoạt. Các hoạt động nghiên cứu lí thuyết, thực hành, vận dụng và đánh giá đều có thể thực hiện trong lớp hay ở nhà, ngoài thực địa,... vào các thời điểm trong hay ngoài giờ học chính thức. Tùy theo nội dung từng BH để có thể giảm thiểu hoặc điều chỉnh các bước cho phù hợp, tạo hứng thú cho SV.

Quy trình trên đây có nhiều yếu tố phù hợp với cách DH truyền thống, đồng thời có những yếu tố mới, tích cực, nhất là đã tạo cơ chế để phát triển năng lực người học. Chúng tôi mong muốn sẽ có nhiều nghiên cứu và sử dụng quy trình này trong thực tế, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, PPDH ở ĐH. □

Tài liệu tham khảo

[1] Hoàng Hòa Bình - Nguyễn Minh Thuyết (2011). *Phương pháp dạy học tiếng Việt nhìn từ tiểu học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
 [2] Bloom B. S (1956). *Taxonomy of Educational Objectives, Handbook I: The Cognitive Domain*. New York.
 [3] Bộ GD-ĐT (2014). *Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.
 [4] Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2011). *Lí luận dạy học hiện đại*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Potsdam.